

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**tổ chức triển khai thực hiện các nội dung kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại Thông báo số 374-TB/TU về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027
và định hướng phát triển giáo dục trong những năm tiếp theo**

Thực hiện Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Thông báo số 374-TB/TU ngày 22/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Bình tại buổi làm việc với ngành Giáo dục và Đào tạo về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và định hướng phát triển giáo dục trong những năm tiếp theo; Công văn số 1504-CV/ĐU ngày 29/6/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; Công văn số 1503-CV/ĐU ngày 29/6/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Thông báo số 374-TB/TU ngày 22/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt sâu sắc và triển khai đầy đủ, kịp thời các quan điểm, định hướng và nhiệm vụ được xác định trong Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với ngành Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 374-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới quản trị giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình toàn diện, hiện đại, thực chất, công bằng, hội nhập, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

b) Tập trung giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn, khó khăn cấp bách của ngành Giáo dục hiện nay, trọng tâm là khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; rà soát, điều chỉnh quy hoạch và phát triển mạng lưới trường lớp đón đầu áp lực gia tăng học sinh từ năm học 2027-2028; xử lý tài sản, quỹ đất công dồn dư ưu tiên cho giáo dục; phòng, chống bạo lực học đường; kiểm soát chặt chẽ chi phí học tập và các hiện tượng tiêu cực trong dạy thêm, học thêm.

c) Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2028; phổ cập giáo dục trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và tương đương trên địa bàn tỉnh trước năm 2035.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các chỉ đạo mang tính đột phá của Trung ương và Tỉnh ủy; các giải pháp phải có lộ trình, sản phẩm cụ thể, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính mới và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

b) Phân định rõ chức năng, giao nhiệm vụ đúng thẩm quyền pháp lý, thực hiện nguyên tắc “một việc - một đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm chính”; nâng cao vai trò, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục

Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Thông báo số 105-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Thông báo số 374-TB/TU của Tỉnh ủy Ninh Bình đến toàn thể cán bộ, công chức, nhà giáo, người lao động thuộc quyền quản lý, tạo chuyển biến thực chất về tư duy quản trị: chuyển mạnh từ “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển giáo dục”; tăng cường truyền thông chính sách, biểu dương kịp thời các mô hình đổi mới sáng tạo; tạo sự đồng thuận, chung tay huy động các nguồn lực hợp pháp của toàn xã hội đồng hành cùng sự nghiệp giáo dục; phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp và toàn xã hội trong phát triển giáo dục.

2. Về đội ngũ công chức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Khẩn trương rà soát, đánh giá nhu cầu giáo viên chi tiết theo từng môn học, cấp học, địa bàn đến năm 2035; tập trung xây dựng, hoàn thiện Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2026-2035; ưu tiên giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, bổ sung giáo viên trung học phổ thông, ngoại ngữ, tin học, nghệ thuật, giáo dục thể chất và các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất phương án điều tiết, luân chuyển, bố trí đội ngũ giữa các cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; chuẩn bị các điều kiện để triển khai các cơ chế mới sau khi Trung ương ban hành.

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có chất lượng; quan tâm thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ công tác tại vùng khó khăn, địa bàn xa trung tâm và các cơ sở giáo dục trọng điểm của tỉnh.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ công chức phụ trách giáo dục và đào tạo ở cấp xã và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý; tham mưu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và điều tiết nhân sự hợp lý để nâng tỷ lệ công chức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có trình độ chuyên môn, bảo đảm các xã đều có người phụ trách giáo dục trong năm 2026.

3. Về phát triển mạng lưới trường lớp và bố trí quỹ đất giáo dục

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát tổng thể mạng lưới trường lớp theo đơn vị hành chính; khẩn trương tham mưu phương án triển khai việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ; tham mưu xây dựng Đề án phát triển các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp và dự báo biến động dân số; ưu tiên nghiên cứu mở rộng quỹ đất hoặc thành lập mới các cơ sở giáo dục tại các địa bàn có tốc độ tăng học sinh cao, áp lực tuyển sinh lớn, các khu đô thị trung tâm, khu công nghiệp, địa bàn đông dân cư, địa bàn có bán kính đi học xa và các địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu bố trí quỹ đất giáo dục bảo đảm phù hợp với quy hoạch và chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ; kịp thời đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất khi cần thiết để đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường hoàn thiện hồ sơ, thủ tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chuyển các cơ sở vật chất, trụ sở cơ quan dôi dư sau sắp xếp theo Danh mục rà soát các cơ sở vật chất, trụ sở cơ quan dôi dư sau sắp xếp ưu tiên bố trí cho cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường đề xuất; không để xảy ra tình trạng lãng phí hoặc thiếu trường lớp.

d) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát tổng thể các công trình trường học có niên hạn sử dụng từ 10 đến 15 năm; tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng làm cơ sở quyết định cải tạo, sửa chữa hoặc đầu tư xây mới, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

đ) Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường lưu ý khi tham mưu lập quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng các khu dân cư mới phải quy hoạch, xây dựng đồng bộ các trường học, hạ tầng tương thích với quy mô dân số.

4. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và trường chuẩn quốc gia

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Khẩn trương hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2035 theo Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 09/7/2026.

- Triển khai rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo và chuẩn bị lộ trình, kế hoạch đầu tư trong những giai đoạn tiếp theo; ưu tiên nguồn lực theo thứ tự: xóa phòng học tạm, phòng học xuống cấp; bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, đầu tư thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số trong các cơ sở giáo dục; hỗ trợ các trường chưa đạt chuẩn quốc gia, trường hết thời hạn công nhận chuẩn quốc gia; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu về trường chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Sở Tài chính tổng hợp, nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2026-2030 trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, phổ cập giáo dục trung học phổ thông và tương đương, nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh; kịp thời tham mưu nguồn lực nhằm bảo đảm điều kiện công nhận đạt chuẩn phổ cập theo quy định.

- Khẩn trương xây dựng Đề án phổ cập giáo dục trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và tương đương trên địa bàn tỉnh đến năm 2035, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong năm 2026. Đề án cần xác định rõ: dự báo quy mô học sinh theo từng xã, phường; nhu cầu trường lớp, giáo viên, quỹ đất và nguồn lực đầu tư; lộ trình nâng tỷ lệ học sinh tiếp tục học tập sau trung học cơ sở; vai trò của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và giáo dục ngoài công lập; cơ chế, chính sách hỗ trợ học sinh học trung học phổ thông, học nghề, học giáo dục thường xuyên. Mục tiêu không chỉ là tăng tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông công lập mà còn bảo đảm mọi học sinh sau trung học cơ sở có nhu cầu học tập đều được tiếp cận giáo dục trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoặc hình thức giáo dục tương đương có chất lượng.

- Rà soát, đánh giá toàn diện năng lực hoạt động của hệ thống trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ sở ngoài công lập; làm rõ hiện trạng tổ chức bộ máy, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, quy mô tuyển sinh, chất lượng đào tạo và khả năng tiếp nhận học sinh sau trung học cơ sở. Tham mưu lộ trình đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục thường xuyên; phát triển giáo dục thường xuyên trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục

mở, học tập suốt đời. Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa trường phổ thông, cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; tuyệt đối không coi giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là giải pháp tình thế, mà phải là hướng đi có chất lượng, có cơ hội phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời cho người học.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Nghiêm túc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, lộ trình và giải pháp đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hằng năm huy động tối đa trẻ ra lớp, ưu tiên bố trí mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm thực hiện phổ cập; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng xa, học sinh yếu thế được tiếp cận bình đẳng với giáo dục, không để học sinh phải bỏ học vì điều kiện kinh tế, khoảng cách địa lý hoặc thiếu cơ hội học tập.

6. Về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu xây dựng và triển khai Đề án “Chiến lược phát triển hệ thống giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045” theo Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng tới xây dựng Khu đại học Nam Cao thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia; phát triển Trường Đại học Hoa Lư theo hướng đa ngành, tự chủ toàn diện về tài chính, học thuật, tổ chức, nhân sự gắn với trách nhiệm giải trình, kiểm định chất lượng và công khai kết quả.

b) Trường Đại học Hoa Lư chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đa ngành; thực hiện tự chủ đại học đi đôi với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng theo quy định; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đề nghị các trường đại học, phân hiệu đại học Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tăng cường phối hợp với Trường Đại học Hoa Lư và các sở, ngành liên quan của tỉnh trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

7. Về chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản trị ngành, quản trị nhà trường và tổ chức dạy học; xây dựng, chuẩn hóa hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục thống nhất toàn tỉnh, cập nhật dữ liệu giáo dục “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”; quản lý học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, trường lớp theo dữ liệu số; ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo trong dự báo quy mô học sinh, quy hoạch trường lớp, nhu cầu giáo viên và phân bổ nguồn lực; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân học sinh, giáo viên.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Tư pháp và các địa phương tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu dự báo giáo dục đến năm 2035 theo từng xã, phường, từng cấp học, từng năm học; kết nối dữ liệu dân cư, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp và dữ liệu lao động, việc làm.

8. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng toàn diện; phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh tài năng; chú trọng công tác giáo dục lịch sử dân tộc, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giáo dục thể chất, thẩm mỹ, hướng nghiệp, kỹ năng số, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, nhân văn; giải quyết tình trạng bạo lực học đường, lấy phòng ngừa là chính, lấy giáo dục, cảm hóa, hỗ trợ học sinh, sinh viên là nền tảng, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức giám sát chi phí học tập, chấn chỉnh triệt để các hiện tượng tiêu cực trong dạy thêm, học thêm; kiểm tra việc tổ chức các hoạt động dịch vụ trong cơ sở giáo dục, đặc biệt là dịch vụ bán trú, cung cấp suất ăn, căng tin, nước uống, xe đưa đón học sinh và các dịch vụ phục vụ học sinh bảo đảm an toàn, công khai, minh bạch; không để xảy ra tình trạng lạm dụng chủ trương xã hội hóa giáo dục làm tăng các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh hoặc thay cho phần ngân sách nhà nước phải đảm bảo; xử lý nghiêm tình trạng ép học hoặc gợi ý học, gây áp lực cho học sinh và phụ huynh; đồng thời nâng cao chất lượng giờ học chính khóa, giảm áp lực thi cử, minh bạch tuyển sinh.

9. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, sách giáo khoa và thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ năm học 2026-2027; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức Lễ khai giảng năm học 2026-2027, bảo đảm trang trọng, vui tươi, an toàn, thiết thực và tiết kiệm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm lĩnh vực giáo dục, đào tạo, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn huy động xã hội hóa hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí trong dự toán hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là kinh phí xóa phòng học tạm, xây dựng phòng học kiên cố và cải tạo phòng học xuống cấp, đầu tư thiết bị dạy học tối thiểu, phát triển hạ tầng số và hệ sinh thái giáo dục thông minh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; các trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này và Phụ lục đính kèm, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương mình để triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

b) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chế độ quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy và cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc theo dõi, kiểm soát tiến độ tham mưu các đề án, quy trình ban hành văn bản và đôn đốc thực hiện Kế hoạch.

(Có Phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, VP1, VP6, VP7.

PD_VP6_12.KHGD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Lan Anh